TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 11/11/2021.

V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông Ngô Phấn Khởi.

Ông Châu Thanh Vũ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 150/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc "L*y hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 180/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Quách Thị Mỹ D, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 249, ấp L, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

(có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lữ Anh Q, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 17/6/2021 nguyên đơn chị Quách Thị Mỹ D trình bày:

Chị D và anh Q tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện M tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/11/2018; chị và anh Q không có con chung. Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, nên không còn sống chung đến nay; tài sản chung, nợ chung không có.

Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn; con chung không có; tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lữ Anh Q:

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tống đạt

thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tung dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Đối với bị đơn: Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tung dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nên quan hệ pháp luật điều chỉnh là "Ly hôn".

Về thẩm quyền giải quyết:

Xét thấy nguyên đơn khởi kiện bị đơn Lữ Anh Q đang cư trú ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Về nội dung:

[1] Xét thấy chị D và anh Q tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/11/2018, phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng thờ gian sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nên không còn sống chung đến nay; chị D cương quyết xin ly hôn, do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Q và chị D đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị D và anh Q không có con chung, nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tung dân sự.

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Quách Thị Mỹ D và anh Lữ Anh Q.

- Về con chung: Chị D và anh Q không có con chung, nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Án phí sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0008696 ngày 28/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm**./.**

<u>Nơi nhận</u>:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *UBND xã Thuận Hưng, H. Mỹ Tú, ST;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trúc